TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1024/2025/QĐST-DS	*Thành phố T, ngày 20 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 1840/2024/TLST – DS ngày 15 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm: 1948

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1951

Cùng địa chỉ: C tổ G, khu phố C, phường P, thành phố T, Tp .

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C1, sinh năm: 1998

Địa chỉ: G đường A, khu phố E, phường P, thành phố T, Tp .

(Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2024)

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1967

Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm: 1967

Cùng địa chỉ: 1 đường F, tổ H, khu phố L, phường L, thành phố T, Tp .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Quý Đ, sinh năm: 1982

Địa chỉ thường trú: 29/21 đường I, khu phố L, phường L, thành phố T, Tp .

Địa chỉ liên lạc: 18/6 đường H, , khu phố I, phường L, thành phố T, Tp .

Ông Trần Khánh T1, sinh năm: 1994

Địa chỉ: 70/E1 đường 109, khu phố 5, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 27/4/2015 (giấy tay) giữa ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thu L1. Ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thu L1 có trách nhiệm sang tên quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L, phần đất theo hiện trạng thực tế có diện tích 87,6m^2 thuộc thửa 511, tờ bản đồ số 94 (BĐĐC đo năm 2003), phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí thể hiện tại ký hiệu số 1, 3, 6, 8 của Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 06/3/2025. Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L cùng đứng tên đồng sử dụng đất với ông Phan Quý Đ.

Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 87,6m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 511, tờ bản đồ số 94, phường L, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 009699, số vào sổ H01142/26830 do Ủy ban nhân dân Quận I cấp ngày 23/7/2008, cập nhật thay đổi ngày 19/7/2019. Vị trí thể hiện tại ký hiệu số 1, 3, 6, 8 của Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 06/3/2025. Chi phí làm thủ tục sang tên phần quyền sử dụng đất do ông C, bà L chịu.

Ông Phan Quý Đ có trách nhiệm cung cấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 009699, số vào sổ H01142/26830 do Ủy ban nhân dân Quận I cấp ngày 23/7/2008, cập nhật thay đổi ngày 19/7/2019 cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động về quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với phần đất nêu trên cho ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L. Trong trường hợp ông Phan Quý Đ không cung cấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L được quyền tự mình liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cập nhật sang tên cho ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L đối với phần đất nêu trên theo quy định pháp luật.

Chi phí đo vẽ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn tự nguyện chịu (đã thực hiện xong)

Về án phí: 12.600.000 (mười hai triệu sáu trăm ngàn) đồng. Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L nộp 50% án phí, số tiền 6.300.000 đồng nhưng ông C bà L là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thu L1 nộp 50% án phí, số tiền 6.300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Đức;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Trâm